

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,189.19	740	14,940,000
Được chi trong ngày					14,940,000
Đã chi trong ngày					14,940,000
1. Dịch vụ					1,495,200
1	Dịch vụ thu		0	384	0
2	Dịch vụ thu		4,200	356	1,495,200
3			0	356	0
2. Kho					2,166,552
 Ăn chính					2,166,552
1	Gạo tẻ	Kg	18,000	34	612,000
2	Sữa bột Nuti trường học	Kg	259,092	6	1,554,552
3. Đi chợ					11,278,248
 Ăn sáng					3,844,800
1	Khoai lang	Kg	35,000	3	105,000
2	Khoai tây	Kg	22,000	4	88,000
3	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	3	75,000
4	Hành củ tươi	Kg	80,000	1	80,000
5	Tỏi	Kg	150,000	0.7	105,000
6	Nấm hương tươi	Kg	140,000	2	280,000
7	Dầu thực vật	Chai	50,000	1	50,000
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	130,000	7	910,000
9	Tôm biển	Kg	215,000	3	645,000
10	Đường cát	Kg	30,000	0.9	27,000
11	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1	25,000
12	Muối iốt	Gói	4,000	0.95	3,800
13	Đường phèn	Kg	35,000	0.6	21,000
14	Ngô rí	Kg	50,000	1	50,000
15	Xương Heo	Kg	120,000	3	360,000
16	Nui sao	Kg	70,000	13	910,000
17	Hành lá	Kg	50,000	1	50,000
18	Củ cải	Kg	20,000	3	60,000
 Ăn chính					7,433,448
1	Khoai mỡ	Kg	35,000	9	315,000
2	Đậu hũ chiên	Kg	4,000	20	80,000
3	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.4	112,000
4	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
5	Cải bó xôi	Kg	45,000	1.5	67,500
6	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.3	65,000
7	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Chai	130,000	4	520,000
8	Cá hồi	Kg	310,000	8	2,480,000
9	Tôm biển	Kg	215,000	1.1	236,500
10	Đường cát	Kg	30,000	1.7	51,000
11	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.3	32,500
12	Muối iốt	Gói	4,000	1.61	6,448
13	Chanh dây (chanh leo)	Kg	35,000	3.6	126,000
14	Ngô rí	Kg	50,000	1.3	65,000
15	Sữa chua Ánh Hồng	Kg	4,200	355	1,491,000
16	Hành lá	Kg	50,000	1.3	65,000

17	Đường phên	Kg	35,000	1.1	38,500
18	Dầu hào	Kg	68,000	2	136,000
19	Thịt bò	Kg	260,000	1	260,000
20	Tôm biển	Kg	220,000	3.9	858,000
21	Dầu cá RanceeKids	Chai	68,000	1	68,000
22	Đậu đen xanh lòng HC Hà Giang	Kg	70,000	3	210,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					4,592,196
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					22,347,404
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					1,482
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					29,930,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					29,930,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kê toán

Phạm Thị Nga

Phó hiệu trưởng


Phan Thị Hồng Huế